Phụ lục 1: Mẫu đơn đề nghị trở thành thành viên đấu thầu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày .....tháng .....năm .....

Kính gửi: Bộ Tài chính

I. Giới thiệu về tổ chức

1. Tên đầy đủ của tổ chức:

2. Tên và mã giao dịch:

3. Vốn pháp định: ..... tỷ đồng (theo quy định tại .....)

4. Vốn điều lệ thực góp: .....

5. Vốn chủ sở hữu: ..... tỷ đồng (theo báo cáo tài chính tại ngày ... tháng ... năm ... được kiểm toán bởi ....)

6. Trụ sở chính:

7. Điện thoại: Fax:

8. Giấy phép kinh doanh số: . . . . . do . . . . . cấp ngày . . . tháng . . . năm . . . . .

9. Đầu mối liên hệ về hồ sơ:

II. Khả năng đáp ứng điều kiện là thành viên đấu thầu:

Căn cứ vào tình hình của (tên tổ chức) chúng tôi nhận thấy chúng tôi có đủ điều kiện trở thành thành viên đấu thầu theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 111/2015/TT/BTC, cụ thể như sau:

1.

2.

3.

4.

5.

6.

...

(Nêu rõ căn cứ chứng minh đủ điều kiện theo từng khoản quy định tại Điều 11 Thông tư số 111/2015/TT-BTC)

III. Hồ sơ gửi kèm:

1. Bản sao Giấy phép kinh doanh (Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao không có chứng thực xuất trình cùng bản chính để đối chiếu).

2. Báo cáo tài chính ba (03) năm liền kề trước năm đăng ký trở thành thành viên đấu thầu. Báo cáo tài chính phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Báo cáo tài chính quý tính đến thời điểm gần nhất khi có đơn đề nghị.

4. Báo cáo về sự tham gia trên thị trường trái phiếu tối thiểu trong một (01) năm liền kề trước thời điểm nộp đơn theo các mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục 2.

5. Bản sao văn bản công nhận thành viên thị trường trái phiếu Chính phủ chuyên biệt tại Sở Giao dịch chứng khoán (Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao không có chứng thực xuất trình cùng bản chính để đối chiếu).

6. Các tài liệu khác (nếu có).

IV. Cam kết của tổ chức đề nghị trở thành thành viên đấu thầu

(Tên tổ chức) xin cam kết: chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2: Mẫu báo cáo sự tham gia trên thị trường trái phiếu
(gửi kèm Hồ sơ đăng ký trở thành thành viên đấu thầu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

TÊN TỔ CHỨC

BÁO CÁO SỰ THAM GIA TRÊN THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU
Kỳ báo cáo: Từ ... đến ...
(1 năm liền kề trước thời điểm nộp đơn đăng ký trở thành thành viên đấu thầu)

1. Thực hiện mua trái phiếu trên thị trường sơ cấp:

Phương thức mua trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị trái phiếu										
		Tổng số			Trái phiếu Chính phủ		Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh		Trái phiếu chính quyền địa phương		Trái phiếu khác	
		Tổng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng
Mua qua thành viên đấu thầu	.....											
	.....											
	.....											
	.....											
Bảo lãnh phát hành	.....											
	.....											
	.....											
	.....											
Đại lý phát hành	.....											
	.....											
	.....											
	.....											
Mua trái phiếu phát hành theo phương thức bán lẻ	.....											
	.....											
	.....											
	.....											

2. Thực hiện giao dịch tự doanh trên thị trường thứ cấp:

a) Giao dịch mua bán thông thường (outright):

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Ngày giao dịch	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Lãi suất giao dịch
A. Giao dịch mua							
Trái phiếu Chính phủ	1						
	..						
	Tổng						
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1						
	..						
	Tổng						
Trái phiếu chính quyền địa phương	1						
	..						
	Tổng						
Trái phiếu khác	1						
	..						
	Tổng						
Tổng giá trị giao dịch mua							
B. Giao dịch bán							
Trái phiếu Chính phủ	1						
	..						
	Tổng						
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1						
	..						
	Tổng						
Trái phiếu chính quyền địa phương	1						
	..						
	Tổng						
Trái phiếu khác	1						
	..						
	Tổng						
Tổng giá trị giao dịch bán							

b) Giao dịch mua bán lại (repo):

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Ngày giao dịch	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Lãi suất giao dịch	Tỷ lệ phòng vệ rủi ro
Trái phiếu Chính phủ	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Tổng giao dịch repo								

3. Thực hiện môi giới mua, bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp:

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Ngày giao dịch	Tên khách hàng	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Lãi suất giao dịch
A. Giao dịch mua								
Trái phiếu Chính phủ	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	1							
	..							
	Tổng							
Tổng giá trị giao dịch mua								
B. Giao dịch bán								
Trái phiếu Chính phủ	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	..							
	Tổng							
Tổng giá trị giao dịch bán								

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

4. Tình hình nắm giữ trái phiếu tại ngày .../.../... (ngày cuối kỳ báo cáo)

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Giá trị nắm giữ	Lãi suất danh nghĩa
Trái phiếu Chính phủ	1				
	..				
	Tổng				
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1				
	..				
	Tổng				
Trái phiếu chính quyền địa phương	1				
	..				
	Tổng				
Trái phiếu khác	1				
	...				
	Tổng				
Tổng					

Phụ lục 3: Các tiêu chí đánh giá xếp hạng thành viên

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

I. Tình hình tài chính doanh nghiệp

1. Tình hình tài chính doanh nghiệp.

2. Khối lượng trái phiếu Chính phủ nắm giữ.

II. Sự tham gia trên thị trường sơ cấp

1. Giao dịch tự doanh:

a) Tần suất dự thầu với mức lãi suất dự thầu hợp lý;

b) Khối lượng dự thầu;

c) Mức lãi suất dự thầu hợp lý;

d) Khối lượng trúng thầu.

2. Môi giới hoặc phân phối trái phiếu:

a) Khối lượng trái phiếu môi giới và phân phối;

b) Các nhóm khách hàng được môi giới và phân phối trái phiếu, mức độ đa dạng hóa nhóm khách hàng;

c) Tỷ lệ giữa tổng khối lượng trái phiếu môi giới và phân phối trên tổng khối lượng mua trái phiếu.

III. Sự tham gia trên thị trường thứ cấp

1. Giá trị trái phiếu giao dịch (cho tự doanh và cho khách hàng);

2. Số lượng giao dịch;

3. Tần suất giao dịch;

4. Tỷ lệ giao dịch trên số lượng trái phiếu nắm giữ;

5. Khối lượng và số lượng giao dịch thực hiện từ việc chào mua chào bán với cam kết chắc chắn trên thị trường trái phiếu chuyên biệt tại Sở Giao dịch chứng khoán.

Phụ lục 4: Mẫu thông báo kết quả đấu thầu trái phiếu của Sở Giao dịch chứng khoán

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……, ngày ……tháng ……năm ……

Kính gửi: - Kho bạc Nhà nước

- Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ vào đề nghị phát hành trái phiếu của Kho bạc Nhà nước tại Thông báo số / / ngày / / , ngày / / Sở Giao dịch chứng khoán đã tổ chức đấu thầu phát hành trái phiếu gồm:

Mã trái phiếu	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu	Lãi suất danh nghĩa	Khối lượng phát hành		
						Khối lượng phát hành tại phiên đấu thầu trái phiếu	Khối lượng phát hành thêm ngay sau phiên đấu thầu	Tổng khối lượng phát hành
(*)								

Căn cứ vào đăng ký đấu thầu phát hành trái phiếu của các thành viên đấu thầu trái phiếu, kết quả phát hành mã trái phiếu (*) ..... như sau:

STT	Thành viên đấu thầu	Người sở hữu trái phiếu	Số TK tại ngân hàng thanh toán	Khối lượng trúng thầu (**)	Lãi suất trúng thầu	Giá tiền thanh toán mua trái phiếu
..						
..						
..						

Chú thích:

(*) Thông báo kết quả đấu thầu đối với mỗi mã trái phiếu tại mỗi đợt phát hành trái phiếu.

(**) Khối lượng trúng thầu bao gồm cả khối lượng trúng thầu tại phiên đấu thầu lúc 10 giờ 30 phút sáng và khối lượng mua thêm ngay sau phiên đấu thầu.

Sở Giao dịch chứng khoán cung cấp thông tin để quý đơn vị biết, phối hợp thực hiện lưu ký trái phiếu, và theo dõi quản lý trái phiếu./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 5: Xác định lãi suất trúng thầu, lãi suất danh nghĩa trái phiếu và phân bổ khối lượng trúng thầu khi phát hành theo phương thức đấu thầu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

1. Phát hành theo hình thức cạnh tranh lãi suất

Ví dụ: Trường hợp KBNN công bố huy động 1.000 tỷ đồng, khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định là 10,50%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng trúng thầu của từng nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
1	A	10,15%	150	150	150	10,49%
2	A	10,20%	100	250	100	10,49%
3	A	10,25%	100	350	100	10,49%
4	B	10,35%	200	550	200	10,49%
5	D	10,35%	200	750	200	10,49%
6	D	10,40%	200	950	200	10,49%
7	B	10,49%	100	1.050	50	10,49%
8	B	10,50%	100	1.150	-	
9	C	10,50%	200	1.350	-	
10	D	10,50%	200	1.550	-	
11	F	10,50%	200	1.750	-	
12	C	10,60%	300	2.050	-	
13	D	10,60%	200	2.250	-	
14	D	10,70%	200	2.450	-	
15	E	10,70%	50	2.500	-	
16	B	11,00%	100	2.600	-	
17	G	11,00%	100	2.700	-	
18	H	11,20%	200	2.900	-	
Tổng			**2.900**		**1.000**	

- Lãi suất trúng thầu bằng 10,49%/năm, là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung cho các thành viên đấu thầu và được chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định; (ii) Khối lượng trái phiếu phát hành tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khối lượng trái phiếu gọi thầu.

- Khối lượng dự thầu cộng dồn cạnh tranh lãi suất tại các mức lãi suất thấp hơn 10,49%/năm là 950 tỷ đồng, do vậy phần dư còn lại 50 tỷ đồng so với khối lượng gọi thầu được phân bổ cho các thành viên dự thầu tại mức lãi suất trúng thầu 10,49%/năm theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng dự thầu. Do vậy, nhà đầu tư B được phân bổ 50/100 tỷ đồng dự thầu tại mức lãi suất 10,49%/năm.

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

+ Là lãi suất trúng thầu trái phiếu làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu sẽ được xác định là 10,40%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá:

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
1	A	10,15%	150	150	150	10,15%
2	A	10,20%	100	250	100	10,20%
3	A	10,25%	100	350	100	10,25%
4	B	10,35%	200	550	200	10,35%
5	D	10,35%	200	750	200	10,35%
6	D	10,40%	200	950	200	10,40%
7	B	10,49%	100	1.050	50	10,49%
8	B	10,50%	100	1.150	-	
9	C	10,50%	200	1.350	-	
10	D	10,50%	200	1.550	-	
11	F	10,50%	200	1.750	-	
12	C	10,60%	300	2.050	-	
13	D	10,60%	200	2.250	-	
14	D	10,70%	200	2.450	-	
15	E	10,70%	50	2.500	-	
16	B	11,00%	100	2.600	-	
17	G	11,00%	100	2.700	-	
18	H	11,20%	200	2.900	-	
Tổng			**2.900**		**1.000**	

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi thành viên trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của thành viên đấu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu phát hành tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá khối lượng trái phiếu gọi thầu.

Do vậy, các mức lãi suất trúng thầu từ 10,15%/năm đến 10,49%/năm. Tại mức lãi suất trúng thầu cao nhất là10,49%/năm, nhà đầu tư B được phân bổ 50 tỷ đồng/ 100 tỷ đồng dự thầu.

- Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu bằng 10,312%, cụ thể như sau:

$$\frac{150\times10{,}15\%+100\times10{,}20\%+100\times10{,}25\%+200\times10{,}35\%+50\times10{,}49\%+200\times10{,}35\%+200\times10{,}40\%}{1.000} = 10{,}312\%$$

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

+ Là bình quân gia quyền các mức lãi suất phát hành trái phiếu áp dụng đối với các thành viên trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu sẽ được xác định là 10,30%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

2. Phát hành theo hình thức cạnh tranh lãi suất kết hợp không cạnh tranh lãi suất

Trường hợp KBNN công bố huy động 1.000 tỷ đồng, khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định là 10,50%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các nhà đầu tư như dưới đây, thì mức lãi suất trúng thầu và khối lượng trúng thầu của từng nhà đầu tư sẽ như sau:

a) Đối với phương thức đấu thầu đơn giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng dự thầu cộng dồn	Kết quả phiên phát hành	
					Khối lượng trúng thầu	Lãi suất trúng thầu
		(%/năm)	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(Tỷ đồng)*	*(%/năm)*
A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất						
1	A		100	100	100	10,49%
2	B		100	200	100	10,49%
3	D		100	300	100	10,49%
Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất			**300**		**300**	
B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất						
1	A	10,20%	100	100	100	10,49%
2	A	10,30%	100	200	100	10,49%
3	B	10,35%	100	300	100	10,49%
4	D	10,45%	200	500	200	10,49%
5	C	10,47%	100	600	100	10,49%
6	B	10,49%	100	700	100	10,49%
7	B	10,55%	100	800	-	
8	D	10,55%	200	1.000	-	
9	F	10,55%	200	1.200	-	
10	C	10,60%	300	1.500	-	
11	D	10,60%	200	1.700	-	
12	D	10,70%	200	1.900	-	
13	E	10,70%	50	1.950	-	
14	G	11,00%	100	2.050	-	
15	H	11,20%	200	2.250	-	
Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất			**2.250**		**1.000**	

- Khối lượng trái phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất tối đa đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu là mức lãi suất dự thầu cao nhất, áp dụng chung cho các thành viên đấu thầu và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định; (ii) Khối lượng trái phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng trái phiếu gọi thầu trừ đi khối lượng phát hành cho thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất trúng thầu được xác định bằng 10,49%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất bằng với lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất là 10,49%/năm.

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

+ Là lãi suất trúng thầu trái phiếu làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu sẽ được xác định là 10,40%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

b) Đối với phương thức đấu thầu đa giá

Số thứ tự	Nhà đầu tư	Lãi suất đăng ký *(%/năm)*	Khối lượng đăng ký *(Tỷ đồng)*	Khối lượng dự thầu cộng dồn *(Tỷ đồng)*	Kết quả phiên phát hành: Khối lượng trúng thầu *(Tỷ đồng)*	Kết quả phiên phát hành: Lãi suất trúng thầu *(%/năm)*
A. Dự thầu không cạnh tranh lãi suất						
1	A		100	100	100	10,40%
2	B		100	200	100	10,40%
3	D		100	300	100	10,40%
Tổng dự thầu không cạnh tranh lãi suất			**300**		**300**	
B. Dự thầu cạnh tranh lãi suất						
1	A	10,20%	100	100	100	10,20%
2	A	10,25%	100	200	100	10,25%
3	B	10,35%	100	300	100	10,35%
4	D	10,45%	200	500	200	10,45%
5	B	10,50%	100	600	100	10,50%
6	C	10,50%	100	700	100	10,50%
7	B	10,55%	100	800	-	
8	D	10,55%	200	1.000	-	
9	F	10,55%	200	1.200	-	
10	C	10,60%	300	1.500	-	
11	D	10,60%	200	1.700	-	
12	D	10,70%	200	1.900	-	
13	E	10,70%	50	1.950	-	
14	G	11,00%	100	2.050	-	
15	H	11,20%	200	2.250	-	
Tổng dự thầu cạnh tranh lãi suất			**2.250**		**1.000**	

- Khối lượng trái phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu không cạnh

tranh lãi suất tối da đảm bảo không vượt quá 30% khối lượng gọi thầu, bằng 300 tỷ đồng.

- Lãi suất trúng thầu áp dụng cho mỗi thành viên trúng thầu là mức lãi suất dự thầu của thành viên đấu thầu đó và được xét chọn theo thứ tự từ thấp đến cao của lãi suất dự thầu, thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu không vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quyết định; (ii) Khối lượng trái phiếu phát hành cho các thành viên dự thầu cạnh tranh lãi suất tính lũy kế đến mức lãi suất trúng thầu cao nhất không vượt quá 700 tỷ đồng (khối lượng trái phiếu gọi thầu trừ đi khối lượng phát hành cho thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất). Do vậy, lãi suất trúng thầu được xác định từ 10,20%/năm đến 10,50%/năm. Bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất bằng:

$$\frac{100\times10,20\%+100\times10,25\%+100\times10,35\%+200\times10,45\%100\times10,50\%+100\times10,50\%}{700}=10,386\%$$

Mức lãi suất bình quân gia quyền 10,386% này thấp hơn so với khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định là 10,50%/năm.

- Lãi suất trúng thầu của thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu cạnh tranh lãi suất, được làm tròn xuống tới 2 chữ số thập phân. Như vậy, mức lãi suất trúng thầu của các thành viên dự thầu không cạnh tranh lãi suất là 10,38%/năm.

- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

+ Là bình quân gia quyền các mức lãi suất trúng thầu trái phiếu áp dụng đối với các thành viên trúng thầu cạnh tranh lãi suất và được làm tròn xuống tới 1 chữ số thập phân đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa cố định. Như vậy, mức lãi suất danh nghĩa của trái phiếu sẽ được xác định là 10,30%/năm;

+ Được xác định trên cơ sở lãi suất tham chiếu theo thông báo của Bộ Tài chính đối với trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi.

Phụ lục 6: Hợp đồng nguyên tắc của phiên bảo lãnh phát hành trái phiếu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Số: ... /HĐBL

- Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/1/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

- Căn cứ Thông tư số 111/2015/TT-BTC, ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính về phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước.

- Căn cứ Thông báo số ... ngày ... của Kho bạc Nhà nước thông báo về việc tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ đợt .../năm...

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., tại ...

Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan phát hành trái phiếu (dưới đây gọi là Bên phát hành)

- Tên tổ chức phát hành:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Tổ chức bảo lãnh chính (dưới đây gọi là Bên bảo lãnh chính)

- Tên tổ chức bảo lãnh chính:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng nguyên tắc bảo lãnh phát hành trái phiếu với các nội dung sau đây:

Điều 1. Các điều khoản, điều kiện của trái phiếu

1. Mã trái phiếu:

2. Mệnh giá trái phiếu:

3. Kỳ hạn trái phiếu:

4. Phương thức thanh toán gốc, lãi:

5. Đồng tiền phát hành, thanh toán:

Điều 2. Tổ chức bảo lãnh chính lựa chọn các tổ chức tham gia vào tổ hợp bảo lãnh, thông báo cho tổ chức phát hành trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng nguyên tắc có hiệu lực với các nội dung quy định tại Thông tư số 111/2015/TT-BTC về phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước.

Điều 3. Các cam kết khác ...

Điều 4. Khiếu nại, tranh chấp

Mọi khiếu nại, tranh chấp, vi phạm hợp đồng của các bên xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này kết thúc sau 7 ngày kể từ ngày có hiệu lực của Hợp đồng.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN PHÁT HÀNH	**ĐẠI DIỆN BÊN BẢO LÃNH CHÍNH**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

Mục 1. Thông báo danh sách tổ hợp bảo lãnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ……tháng ……năm ……

ĐĂNG KÝ

TỔ HỢP BẢO LÃNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Kính gửi: (Tên tổ chức phát hành)

1. Tên tổ chức bảo lãnh chính:

2. Địa chỉ:

3. Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

4. Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Đối với phiên bảo lãnh phát hành ngày .... tháng ... năm ... theo thông báo của Kho bạc Nhà nước tại văn bản số ..... ngày .... tháng ... năm ... , [tên tổ chức bảo lãnh chính] đăng ký tham gia với hình thức tổ hợp bảo lãnh.

Tổ hợp bảo lãnh gồm các tổ chức sau:

(1)

(2)

(3)

[Tên tổ chức bảo lãnh chính] cam kết sẽ đảm bảo tiền mua trái phiếu của tổ hợp bảo lãnh được thanh toán vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước theo thời gian nêu tại Thông báo tổ chức phiên bảo lãnh phát hành trái phiếu của Kho bạc Nhà nước ngày / / .

Trường hợp chậm thanh toán, [tên tổ chức bảo lãnh chính] sẽ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán quy định tại Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015, và trái phiếu sẽ chỉ được lưu ký và niêm yết sau khi đã thanh toán đầy đủ tiền mua trái phiếu và tiền lãi chậm thanh toán.

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH CHÍNH
Đại diện tổ chức bảo lãnh chính
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mục 2. Biên bản thỏa thuận của các tổ chức bảo lãnh trong tổ hợp bảo lãnh

[*Tên của tổ chức bảo lãnh chính*]
BIÊN BẢN THỎA THUẬN
...., ngày .... tháng ... năm ....

- Căn cứ Nghị định số 01/2011/ NĐ-CP ngày 05/1/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương

- Căn cứ Thông tư số 111/2015/TT-BTC, ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ và tổ chức phát hành theo phương thức đấu thầu và bảo lãnh phát hành tại thị trường trong nước.

Hôm nay, ngày … tháng … năm..., tại ...

Chúng tôi gồm:

I. Tổ chức bảo lãnh chính

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Tổ chức bảo lãnh trong tổ hợp bảo lãnh

- Tên tổ chức bảo lãnh 1:

+ Địa chỉ:

+ Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

+ Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

- Tên tổ chức bảo lãnh 2:

+ Địa chỉ:

+ Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

+ Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, các bên cùng nhau ký kết thỏa thuận của tổ hợp bảo lãnh phát hành trái phiếu với các nội dung sau đây:

Điều 1. Chúng tôi đồng ý để *[Tên của Tổ chức bảo lãnh chính]* đại diện đàm phán với Kho bạc Nhà nước về mức lãi suất phát hành trái phiếu đối với đợt bảo lãnh phát hành theo thông báo số ..... ngày .....

Điều 2. Chậm nhất 14 giờ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu theo thông báo của Kho bạc Nhà nước, tổ chức bảo lãnh cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền mua trái phiếu của tổ hợp bảo lãnh vào tài khoản chỉ định của Kho bạc Nhà nước (hoặc thanh toán qua tổ chức bảo lãnh chính tùy theo thỏa thuận giữa tổ chức bảo lãnh chính và các tổ chức bảo lãnh, đảm bảo toàn bộ số tiền mua trái phiếu được thanh toán vào tài khoản chỉ định của Kho bạc Nhà nước).

Điều 3. Trường hợp tổ chức bảo lãnh chậm thanh toán tiền mua trái phiếu theo thông báo của tổ chức bảo lãnh chính, tổ chức bảo lãnh chính được quyền yêu cầu tổ chức bảo lãnh nộp tiền lãi chậm thanh toán. Tiền lãi chậm thanh toán được xác định bằng... (do các bên thoản thuận cụ thể).

Điều 4. Tổ chức bảo lãnh chính có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam về tổ chức/người đăng ký mua trái phiếu cho Kho bạc Nhà nước vào ngày thanh toán tiền mua trái phiếu.

Điều 5. Các cam kết khác ...

Điều 6. Khiếu nại, tranh chấp

Mọi khiếu nại, tranh chấp, vi phạm hợp đồng của các bên xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành từ ngày .../ .../ ...

- Hợp đồng này kết thúc khi:

a) Kho bạc Nhà nước thông báo đợt bảo lãnh phát hành không thành công;

b) Tổ chức bảo lãnh chính và các tổ chức bảo lãnh trong tổ hợp đã hoàn thành các nghĩa vụ liên quan, và trái phiếu đã được lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam vào tài khoản tương ứng của các bên có liên quan.

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH CHÍNH **Đại diện tổ chức bảo lãnh chính**	**TÊN TỔ CHỨC TRONG TỔ HỢP BẢO LÃNH** **Đại diện tổ chức bảo lãnh**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

Mục 3. Hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU
Số: ... /HĐBL

- Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/1/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương

- Căn cứ Thông tư số 111/2015/TT-BTC, ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính về phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước.

- Căn cứ Đơn đăng ký của tổ chức bảo lãnh chính và Biên bản thỏa thuận của tổ hợp bảo lãnh.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., tại ...

Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan phát hành trái phiếu (dưới đây gọi là Bên phát hành)

- Tên tổ chức phát hành:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Tổ chức bảo lãnh chính

- Tên tổ chức bảo lãnh chính

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu với các nội dung sau đây:

Điều 1. Các điều khoản, điều kiện của trái phiếu

1. Mã trái phiếu:

2. Mệnh giá trái phiếu:

3. Kỳ hạn trái phiếu:

4. Ngày phát hành trái phiếu:

5. Ngày đáo hạn trái phiếu:

6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

7. Lãi suất phát hành trái phiếu:

8. Khối lượng trái phiếu nhận bảo lãnh:

9. Phương thức thanh toán gốc, lãi:

Điều 2. Phân phối trái phiếu

Tên tổ chức bảo lãnh	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng đăng ký

Điều 3. Thanh toán tiền mua trái phiếu

1. Thời gian thanh toán tiền mua trái phiếu là trước 14 giờ ngày .....

2. Tài khoản thanh toán tiền mua trái phiếu là .....:

+ Số tài khoản:

+ Tên chủ tài khoản:

+ Nơi mở tài khoản:

Điều 4. Phí bảo lãnh

Tổ chức phát hành và tổ chức bảo lãnh chính thống nhất mức phí bảo lãnh phát hành là ....%

Điều 5. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức bảo lãnh chính

1. Quyền lợi:

a) Là đại diện hợp pháp duy nhất về quyền lợi và nghĩa vụ của tổ hợp bảo lãnh để đàm phán và thống nhất với Kho bạc Nhà nước về đợt bảo lãnh phát hành trái phiếu;

b) Được quyền phân phối trái phiếu của đợt bảo lãnh phát hành theo hợp đồng bảo lãnh ký kết với Kho bạc Nhà nước;

c) Được hưởng phí bảo lãnh trên cơ sở đàm phán thống nhất với Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Thông tư 111/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015;

d) Được quyền lựa chọn thành viên của tổ hợp bảo lãnh và quyết định mức phí bảo lãnh trả cho các thành viên này.

2. Nghĩa vụ

a) Có trách nhiệm phân phối hết khối lượng trái phiếu trong thời gian quy định tại hợp đồng bảo lãnh ký kết với Kho bạc Nhà nước. Trường hợp khối lượng trái phiếu không được phân phối hết cho nhà đầu tư, tổ chức bảo lãnh chính có trách nhiệm mua toàn bộ khối lượng trái phiếu còn lại;

b) Chậm nhất vào 14 giờ ngày thanh toán tiền mua trái phiếu do Kho bạc Nhà nước thông báo, tổ chức bảo lãnh chính phải đảm bảo toàn bộ tiền mua trái

phiếu (bao gồm cả tiền mua trái phiếu của thành viên tổ hợp bảo lãnh và khách hàng của tổ hợp bảo lãnh) đã được thanh toán và ghi có vào tài khoản do Kho bạc Nhà nước chỉ định. Đối với trường hợp thành viên tổ hợp bảo lãnh, khách hàng không thực hiện thanh toán tiền mua trái phiếu thì tổ chức bảo lãnh chính có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua trái phiếu.

c) Tổ chức bảo lãnh chính phải đảm bảo ghi đầy đủ thông tin trên lệnh chuyển tiền theo yêu cầu của Kho bạc Nhà nước.

d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác quy định tại hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng bảo lãnh ký với Kho bạc Nhà nước.

đ) Báo cáo Kho bạc Nhà nước về tình hình phân phối trái phiếu thực tế trong ngày thanh toán tiền mua trái phiếu.

Điều 6. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức phát hành

1. Thanh toán phí bảo lãnh phát hành trái phiếu cho tổ chức bảo lãnh chính trong vòng 10 ngày kể từ khi kết thúc đợt phát hành trái phiếu.

2. Theo dõi thanh toán tiền mua trái phiếu của tổ chức bảo lãnh chính, thành viên tổ hợp bảo lãnh và khách hàng của tổ hợp bảo lãnh để thông báo cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán, đảm bảo việc đăng ký, lưu ký, niêm yết trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 111/2015/TT-BTC về phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước.

3. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu đến hạn cho các chủ sở hữu trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính.

Điều 6. Các cam kết khác ...

Điều 7. Khiếu nại, tranh chấp

Mọi khiếu nại, tranh chấp, vi phạm hợp đồng của các bên xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành cho đến khi hoàn thành tất cả các giai đoạn: thanh toán tiền mua trái phiếu, đăng ký, lưu ký, niêm yết trái phiếu của đợt phát hành trái phiếu.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN PHÁT HÀNH	**ĐẠI DIỆN BÊN BẢO LÃNH CHÍNH**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 8: Đơn đề nghị và hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

Mục 1. Đơn đề nghị

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	. . ., ngày ... tháng .... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Kính gửi: Bộ Tài chính

I. Giới thiệu về tổ chức đăng ký làm đại lý phát hành

1. Tên đầy đủ của tổ chức đại lý:

2. Tên giao dịch:

3. Vốn pháp định:

4. Trụ sở chính:

5. Điện thoại: Fax:

6. Nơi mở tài khoản: Số hiệu TK:

7. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:. . . do . . . cấp ngày . . . tháng . . . năm. . .

II. Hồ sơ gửi kèm:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có công chứng;

2. Xác nhận của ngân hàng . . . về việc mở tài khoản của tổ chức;

3. Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán (trừ trường hợp tổ chức mới thành lập);

4. Các tài liệu khác (nếu có).

TÊN TỔ CHỨC ĐẠI LÝ
Người đứng đầu tổ chức

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mục 2. Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Số: ... /HĐĐL

- Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/1/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương

- Căn cứ Thông tư số 111/2015/TT-BTC, ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính về phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm..., tại ...

Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan phát hành trái phiếu (dưới đây gọi là Bên phát hành)

- Tên tổ chức phát hành:

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

II. Tổ chức đại lý phát hành (dưới đây gọi là Bên đại lý phát hành)

- Tên tổ chức đại lý của đợt phát hành

- Địa chỉ:

- Tài khoản ngân hàng số:... Tại:...

- Người đại diện hợp pháp: (Họ tên, chức vụ, địa chỉ)

Sau khi thống nhất, hai bên cùng nhau ký kết Hợp đồng đại lý phát hành trái phiếu với các nội dung sau đây:

Điều 1. Các điều khoản, điều kiện của trái phiếu

1. Tên trái phiếu:

2. Hình thức trái phiếu:

3. Mệnh giá trái phiếu:

4. Kỳ hạn trái phiếu:

5. Khối lượng trái phiếu nhận bán đại lý:

6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

7. Lãi suất phát hành trái phiếu:

8. Thời gian phát hành trái phiếu: Từ ngày ... đến ngày ...

9. Phương thức thanh toán gốc, lãi:

Điều 2. Bên đại lý phát hành nhận bán trái phiếu cho Bên phát hành với khối lượng tại Điều 1 nói trên. Trường hợp không bán hết số trái phiếu đã nhận bán. Bên đại lý phát hành được trả lại Bên phát hành số trái phiếu còn lại.

Điều 3. Phí đại lý phát hành bằng ...% số tiền trái phiếu đã bán cho các nhà đầu tư.

Điều 4. Thời hạn và phương thức thanh toán

1. Số tiền bán trái phiếu của đại lý được thanh toán ...../lần vào lúc ....

2. Phí đại lý phát hành được thanh toán ..../lần vào lúc ....

Điều 5. Quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên phát hành

1. Chuyển giao đầy đủ, đúng thời hạn chứng chỉ trái phiếu và Giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu cho Bên đại lý phát hành.

2. Chuyển tiền thanh toán gốc, lãi trái phiếu và phí đại lý phát hành cho bên đại lý phát hành đầy đủ và đúng thời hạn quy định.

3. Yêu cầu Bên đại lý phát hành nộp tiền lãi chậm thanh toán cho Bên phát hành theo quy định tại Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính về phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước.

Điều 6. Quyền lợi và trách nhiệm của Bên đại lý

1. Được hưởng phí đại lý phát hành, phí đại lý thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính về phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước

2. Thông báo cho Bên phát hành biết các thông tin về tiến độ và kết quả bán trái phiếu cho các nhà đầu tư khi Bên phát hành yêu cầu.

3. Bảo quản và chuyển giao an toàn chứng chỉ trái phiếu và Giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu đến các nhà đầu tư.

4. Làm đại lý thanh toán lãi, gốc trái phiếu cho Bên phát hành.

5. Định kỳ .... ngày chuyển tiền bán trái phiếu cho Bên phát hành vào tài khoản được Bên phát hành thông báo. Trường hợp chậm chuyển tiền bán trái phiếu cho Bên phát hành sẽ phải nộp tiền lãi chậm thanh toán theo quy định Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 Của Bộ Tài chính về phát hành trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước.

Điều 7. Các cam kết khác ...

Điều 8. Khiếu nại, tranh chấp

Mọi khiếu nại, tranh chấp, vi phạm hợp đồng của các bên xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực thi hành từ ngày .../ .../ ...

- Hợp đồng này kết thúc khi Bên phát hành và Bên đại lý phát hành thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm trong hợp đồng.

Hợp đồng này được lập 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước (trường hợp trái phiếu có niêm yết giao dịch tại Sở GDCK).

ĐẠI DIỆN BÊN PHÁT HÀNH	**ĐẠI DIỆN BÊN ĐẠI LÝ**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 9: Mẫu công bố thông tin về tình hình sở hữu trái phiếu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

1. Công bố thông tin tỷ lệ nắm giữ trái phiếu của nhà đầu tư

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: V/v Công bố thông tin tỷ lệ nắm giữ trái phiếu của Nhà đầu tư	*Hà Nội, ngày ……tháng ……năm ……*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ vào tình hình sở hữu trái phiếu tại ngày / / , Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam công bố tình hình nắm giữ trái phiếu Chính phủ (bao gồm cả tín phiếu kho bạc) và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của các nhà đầu tư như sau:

STT	Họ tên	Số ĐKSH	Quốc tịch	Mã TP sở hữu	Mã ISIN	Phương thức phát hành	Kỳ hạn	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa	Khối lượng sở hữu	Tổ chức phát hành	Số tài khoản lưu ký
A. Nhà đầu tư trong nước													
1													
2													
B. Nhà đầu tư nước ngoài													
1													
2													

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2. Công bố thông tin nắm giữ trái phiếu trên tài khoản lưu ký của các tổ chức tín dụng mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: V/v Công bố thông tin nắm giữ trái phiếu trên tài khoản lưu ký của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước	*……, ngày ……tháng ……năm ……*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam công bố tình hình nắm giữ trái phiếu trên tài khoản lưu ký của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tại ngày ..../..../..... như sau:

STT	Loại trái phiếu	Mã TP	Khối lượng	Ngày phát hành lần đầu	Ngày đáo hạn	Lãi suất danh nghĩa
	TPCP					
	....					
	TP được CP bảo lãnh					
	....					
	Tổng					

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 10: Mẫu báo cáo Quý

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

Tên tổ chức:

BÁO CÁO QUÝ

Kỳ báo cáo: Từ ... đến ...

1. Tình hình tham gia trên thị trường trái phiếu của thành viên đấu thầu trong kỳ báo cáo từ .... đến ....

1.1. Kết quả tham gia đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành hoặc mua trái phiếu bán lẻ trên thị trường sơ cấp:

Phương thức mua trái phiếu	Kỳ hạn	Khối lượng trái phiếu mua										
		Tổng số			Trái phiếu Chính phủ		Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh		Trái phiếu chính quyền địa phương		Trái phiếu khác	
		Tổng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng
Đấu thầu	.....											
	.....											
	.....											
	.....											
Bảo lãnh phát hành	.....											
	.....											
	.....											
	.....											
Đại lý phát hành	.....											
	.....											
	.....											
	.....											
Mua trái phiếu phát hành theo phương thức bán lẻ	.....											
	.....											
	.....											
	.....											

1.2. Tình hình tham gia trên thị trường thứ cấp:

a) Giao dịch tự doanh mua bán thông thường (outright):

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Ngày giao dịch	Mã trái phiếu	Khối lượng giao dịch		Ngày đáo hạn	Kỳ hạn còn lại	Lãi suất giao dịch
				Thực hiện theo thỏa thuận thông thường	Thực hiện qua chào giá với cam kết chắc chắn trên Sở Giao dịch chứng khoán			
A. Giao dịch mua								
Trái phiếu Chính phủ	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	1							
	..							
	Tổng							
Tổng khối lượng giao dịch mua								
B. Giao dịch bán								
Trái phiếu Chính phủ	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	1							
	..							
	Tổng							
Tổng khối lượng giao dịch bán								

b) Giao dịch tự doanh mua bán lại (repo):

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Ngày giao dịch	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Lợi suất giao dịch	Tỷ lệ phòng vệ rủi ro
Trái phiếu Chính phủ	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Tổng khối lượng giao dịch repo								

c) Thực hiện môi giới mua, bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp:

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Ngày giao dịch	Tên khách hàng	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Lợi suất giao dịch
A. Giao dịch mua								
Trái phiếu Chính phủ	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	1							
	..							
	Tổng							
Tổng khối lượng giao dịch mua								
B. Giao dịch bán								
Trái phiếu Chính phủ	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	..							
	Tổng							
Tổng khối lượng giao dịch bán								

3. Tình hình nắm giữ trái phiếu tại ngày .../.../... (ngày cuối kỳ báo cáo)

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Mã trái phiếu	Mã ISIN	Ngày đáo hạn	Giá trị nắm giữ	Lãi suất danh nghĩa
Trái phiếu Chính phủ	1					
	..					
	Tổng					
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1					
	..					
	Tổng					
Trái phiếu chính quyền địa phương	1					
	..					
	Tổng					
Trái phiếu khác	1					
	..					
	Tổng					
Tổng						

2. Dự báo nhu cầu đầu tư trái phiếu và kỳ vọng mặt bằng lãi suất trong 3 tháng tiếp theo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 11: Mẫu báo cáo năm

(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 07 năm 2015)

Tên tổ chức:

BÁO CÁO NĂM

Kỳ báo cáo: Từ ... đến ...

1. Đánh giá tình hình đáp ứng các nội dung đánh giá để duy trì tư cách thành viên đấu thầu quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 111/2015/TT-BTC

2. Tình hình tài chính doanh nghiệp.

3. Tình hình tham gia trên thị trường trái phiếu của thành viên đấu thầu trong kỳ báo cáo từ .... đến ....

3.1. Tình hình tham gia trên thị trường sơ cấp:

a) Kết quả tham gia đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành hoặc mua trái phiếu bán lẻ trên thị trường sơ cấp:

Phương thức mua trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị trái phiếu										
		Tổng số			Trái phiếu Chính phủ		Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh		Trái phiếu chính quyền địa phương		Trái phiếu khác	
		Tổng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng	Tự doanh	Cho khách hàng
Đấu thầu	.....											
	.....											
	.....											
	.....											
Bảo lãnh phát hành	.....											
	.....											
	.....											
	.....											
Đại lý phát hành	.....											
	.....											
	.....											
	.....											
Mua trái phiếu phát hành theo phương thức bán lẻ	.....											
	.....											
	.....											
	.....											

b) Tình hình tham gia dự thầu và trúng thầu các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa

	Tổng	Trái phiếu Chính phủ	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Trái phiếu chính quyền địa phương	Trái phiếu khác
Tần suất dự thầu (số phiên tham gia dự thầu/ số phiên tổ chức đấu thầu)					
Khối lượng dự thầu					
Khối lượng trúng thầu					

c) Tình hình môi giới hoặc phân phối trái phiếu:

	Tổng	Trái phiếu Chính phủ	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Trái phiếu chính quyền địa phương	Trái phiếu khác
1. Khối lượng trái phiếu phân phối:					
- Nhóm khách hàng A					
- Nhóm khách hàng B					
...					
Tổng					
2. Khối lượng trái phiếu môi giới					
- Nhóm khách hàng A					
- Nhóm khách hàng B					
...					
Tổng					
3. Tỷ lệ khối lượng trái phiếu phân phối/ khối lượng mua trái phiếu					
4. Tỷ lệ khối lượng trái phiếu môi giới/ khối lượng mua trái phiếu					

3.2. Tình hình tham gia trên thị trường thứ cấp:

a) Giao dịch tự doanh mua bán thông thường (outright):

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Ngày giao dịch	Mã trái phiếu	Khối lượng giao dịch		Ngày đáo hạn	Kỳ hạn còn lại	Lãi suất giao dịch
				Thực hiện theo thỏa thuận thông thường	Thực hiện qua chào giá với cam kết chắc chắn trên Sở Giao dịch chứng khoán			
A. Giao dịch mua								
Trái phiếu Chính phủ	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	1							
	..							
	Tổng							
Tổng giá trị giao dịch mua								
B. Giao dịch bán								
Trái phiếu Chính phủ	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	1							
	..							
	Tổng							
Tổng giá trị giao dịch bán								

b) Giao dịch tự doanh mua bán lại (repo):

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Ngày giao dịch	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Lợi suất giao dịch	Tỷ lệ phòng vệ rủi ro
Trái phiếu Chính phủ	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	1							
	2							
	..							
	Tổng							
Tổng giao dịch repo								

c) Thực hiện môi giới mua, bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp:

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Ngày giao dịch	Tên khách hàng	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Lợi suất giao dịch
A. Giao dịch mua								
Trái phiếu Chính phủ	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	1							
	..							
	Tổng							
Tổng giá trị giao dịch mua								
B. Giao dịch bán								
Trái phiếu Chính phủ	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu chính quyền địa phương	1							
	..							
	Tổng							
Trái phiếu khác	..							
	Tổng							
Tổng giá trị giao dịch bán								

3.3. Tình hình nắm giữ trái phiếu tại ngày .../.../... (ngày cuối kỳ báo cáo)

Loại trái phiếu	Số thứ tự	Mã trái phiếu	Mã ISIN	Ngày đáo hạn	Giá trị nắm giữ	Lãi suất danh nghĩa
Trái phiếu Chính phủ	1					
	..					
	Tổng					
Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	1					
	..					
	Tổng					
Trái phiếu chính quyền địa phương	1					
	..					
	Tổng					
Trái phiếu khác	1					
	..					
	Tổng					
Tổng						

4. Dự báo nhu cầu đầu tư trái phiếu và kỳ vọng mặt bằng lãi suất trong năm tiếp theo.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)